TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 828/2023/HC-PT
Ngày: 21 - 11 - 2023.
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Trần Quang Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Bà Hoàng Thị Hải, Kểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 588/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023 về "Khiếu kiện quyết định hành chính". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12864/2023/QĐPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1958; Địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 010, chung cư B, đường Đ, thành phố H. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 19/10/2023): Ông Quách T, chức vụ: Phó chủ tịch Uy ban nhân dân tỉnh. Vắng mặt, có văn bản số 2042/UBND-NVK ngày 14/11/2023, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Nguyễn P, Phó giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H. Có mặt.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T, chức vụ: Phó chủ tịch

UBND huyện Z. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện Z: Ông Lê A, chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường; Ông Bùi V, Phó trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện Z. Có mặt tại phiên tòa.

2.3 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ph, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H. Người đại diện theo ủy quyền (văn bản số 01//UQ-UBND ngày 23/10/2023): Bà Hoàng Thị Thu H, Phó chủ tịch. Có mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc V, Phó chủ tịch. Có mặt.

3.3 Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc. Vắng mặt.

3.4 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (Vợ ông Nguyễn Văn A).

Địa chỉ: Thôn X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn ngày 20/11/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5 Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung và lời trình bày của người khởi kiện ông Nguyễn Văn A tại Toà án cấp sơ thẩm có nội dung:*

Năm 2005, thực hiện Dự án xây dựng đường dây 500 KV Hà Tĩnh – Thường Tín đoạn qua huyện Z Z, tỉnh H, Uỷ ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) huyện Z, UBND tỉnh H đã thu hồi đất và phê duyệt bồi thường hỗ trợ tái định cư về đất, tài sản trên đất thu hồi cho các hộ dân, trong đó hộ gia đình ông A.

Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 3 xóm X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H hộ gia đình đang sử dụng có diện tích 2.016m^2 đất (gồm: 400m^2 đất ở, 1.616m^2 đất vườn; trong đó có 283m^2 đất thuộc đất quy hoạch đường giao thông). Thửa đất đã được UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSD*) ngày 10/11/2003 đúng tên ông A (chủ hộ). Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Tống V có lập "Giấy nhượng nhà vườn" được Ủy ban hành chính xã L, huyện Z xác nhận ngày 05/8/1969 có ghi diện tích 2.868,5 m^2). Sau khi thu hồi, hộ gia đình còn lại 741,3m^2 đất vườn.

Ông A không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã khiếu nại như sau:

- Ông cho rằng UBND huyện chỉ xác định và lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 400m^2 đất ở; bồi thường theo đơn giá đất vườn 1.467,5m^2; đất hành lang 172m^2 là không đúng với quy định của pháp luật về xác định loại đất thu hồi, cụ thể là thuộc trường hợp xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 của luật Đất đai 2003; khoản 1, 2 Điều 45 của Nghị định 181/2004/ NĐ – CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ (xác định lại đất ở không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương; diện tích đất vườn còn lại gia đình sử dụng sau khi thu hồi 741,3m^2 phải được hỗ trợ theo quy định tại Điều 16 Nghị định 197/2004/NĐ- CP và điểm 8.3 mục 8 thông tư số 16/2004/TT – BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính;

- Ông đề nghị xác định lại vị trí đất khi bồi thường, là vị trí 1, không phải là vị trí 4 như phương án bồi thường để áp giá bồi thường đúng;

- Ông đề nghị được hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật do thiếu chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

- Ông cho rằng giá bồi thường một số tài sản không đúng pháp luật, làm thiệt hại cho gia đình ông.

Do Quyết định số 425/QĐ - UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z đã giải quyết khiếu nại đã không chấp nhận các nội dung khiếu nại nên ông A tiếp tục khiếu nại. Quyết định số 684/QĐ - UBND ngày 03/4/2006, Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết khiếu nại cũng không chấp nhận các khiếu nại của ông A. Ông A tiếp tục khiếu nại đến nhiều ngành, nhiều cấp.

Ngày 03/02/2021, Tổng cục quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành văn bản số 190/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ về việc xử lý đơn của công dân, có nội dung: "*Thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn A thuộc trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; được xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 45 Nghị định số 181/2004/NĐ- CP; diện tích đất ở được xác định lại không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở tại địa phương. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường dây và trạm điện 500KV Hà Tĩnh – Thường Tín (đoạn qua huyện Z), thì ông Nguyễn Văn A được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất ở đã được xác định lại là toàn bộ diện tích đất thu hồi, nhưng không quá năm lần hạn mức giao đất ở tại địa phương, diện tích còn lại của thửa đất được xác định là đất nông nghiệp để bồi thường.*".

Tuy nhiên, ngày 19/11/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H ban hành văn bản số 3761/STNMT - TTr về việc giải quyết đơn của ông A, nội dung cho rằng khiếu nại của ông Nguyễn Văn A là không có cơ sở xem xét và cho rằng UBND huyện Z và Ủy ban nhân dân tỉnh H đã thực hiện thu hồi đất của hộ ông A để thực hiện dự án và đã bồi thường cho hộ ông A; đã xem xét giải quyết khiếu nại lần 1; lần 2 theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy là không đúng quy định và không đúng ý kiến tại 190/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ. Do vậy, ông A khởi kiện vụ án hành chính và đề nghị Toà án:

- Hủy Quyết định số 425/QĐ -UBND ngày 10/10/2005 *về việc giải quyết khiếu nại lần đầu* của Chủ tịch UBND huyện Z và hủy Quyết định số 684/QĐ – UBND ngày 03/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H *về việc giải quyết khiếu nại lần 2*; Hủy văn bản số 3761 ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H.

- Ông A đề nghị Toà án buộc UBND huyện Z, tỉnh H thực hiện đúng quy định của pháp luật về đền bù hỗ trợ, tái định cư theo đúng công văn số 190/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 03/02/2021 của Tổng cục quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường (phải xác định lại toàn bộ diện tích đất bị thu hồi là đất ở, nhưng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương) để tính giá bồi thường; bồi thường đúng về tài sản trên đất cũng như xác định đúng vị trí đất để áp giá bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Tươi (vợ ông A) và anh Nguyễn Văn Sơn (con ông A): Thống nhất như ý kiến trình bày của ông A.

UBND huyện Z và của Chủ tịch UBND huyện Z trình bày về yêu cầu khởi kiện của ông A:

Ngày 10/11/2003, Ủy ban nhân dân huyện Z cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn A, diện tích 2.016m^2 (Trong đó: đất ở 400m^2; đất vườn 1.616 m^2). Thực hiện dự án đường dây 500 Kv Hà Tĩnh – Thường Tín có thu hồi thửa đất của hộ ông A là 2.039,5m^2 (Sau này đo lại thực tế là 2.043,0m^2). Do khi cấp GCNQSD đất, Ủy ban nhân dân huyện Z đã xác định hộ gia đình có 400m^2 đất ở nên khi thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ thửa đất cho hộ ông A đã xác định đất ở là 400m^2, đất vườn 1.467,5m^2, đất hành lang 172m^2 là đúng quy định của Luật đất đai và hướng dẫn tại Điều 8, Nghị định 197/2004/ NĐ – CP ngày 03/12/2004. Ông A yêu cầu xác định lại toàn bộ diện tích đất là đất ở là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí đất tái định cư cho hộ ông A, gồm nhiều phương án nhưng gia đình ông A không nhận. Ngày 23/10/2014 Ủy ban nhân dân huyện Z đã ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UB về việc giao đất cho hộ ông A 200m^2 đất ở nhưng gia đình ông A không nhận. Đến nay gia đình ông A vẫn không nhận đất và vẫn tiếp tục khiếu nại. Quan điểm của Chủ tịch UBND huyện Z và của UBND huyện Z về việc ban hành quyết định 425/QĐ - UBND ngày 10/10/2005 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn A là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông A: Nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 425/QĐ – UBND ngày 10/10/2005); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H giải quyết khiếu nại lần hai (Quyết định số 684/QĐ –UBND ngày 03/4/2006), ông A không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại mà tiếp tục làm đơn khiếu nại đến nhiều ngành, nhiều cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã cùng với các ngành, các cấp rà soát nhiều lần. Việc thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất để thực hiện dự án đối với hộ gia

đình ông Nguyễn Văn A là đúng pháp luật. Khiếu nại của ông A là không có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H xem xét theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H trình bày: Tại văn bản số 4124/STNMT TTr ngày 13/10/2022 về việc ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A: Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, quá trình thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, quá trình giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn A đã được các cấp, các ngành tỉnh H thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Khi thu hồi đất để thực hiện dự án, đất của hộ ông A đã được cấp GCNQSD, nên việc đề nghị xác định lại diện tích, hạn mức đất ở để được bồi thường theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 45 của Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ là không có căn cứ xem xét.

Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Z, tỉnh H trình bày: Trong quá trình tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án đường dây tải điện 500KV đoạn qua huyện Z, tỉnh H, hộ gia đình ông A bị ảnh hưởng, có đất bị thu hồi. Ngày 23/5/2005, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm tra đất, tài sản trên đất, có lập biên bản và hộ ông A có tham gia, có ký tên vào biên bản. Trong đó, Ủy ban nhân dân xã Lạc Long có đi cùng đoàn và chứng kiến sự việc. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc trình bày: Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc là cơ quan thay mặt Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện quản lý đầu tư xây dựng đường dây 500KV Hà Tĩnh – Thường Tín. Trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án đã chấp hành các quyết định của UBND huyện Z về thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng. Toàn bộ hồ sơ đền bù tại dự án nói chung và của hộ ông Nguyễn Văn A nói riêng đã được bàn giao cho đơn vị vận hành. Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc tham gia Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng để bố trí kinh phí chi trả cho các hộ dân theo các quyết định phê duyệt của UBND huyện Z.

Trong quá trình đền bù, hộ ông A có đề nghị được cấp đất tái định cư, UBND xã Lạc Long đã bố trí nhưng sau đó ông A không nhận. Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện Z đã tính toán các loại đất theo đúng GCNQSD đất cấp cho hộ ông A để bồi thường là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Hiện nay số tiền còn lại của hộ ông A chưa nhận khoảng 200 triệu đồng do Công ty truyền tải điện 1 quản lý và gửi tại kho bạc Nhà nước huyện Z.

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2022 do Tòa án nhân dân tỉnh H tiến hành thể hiện: Trên đất thu hồi có 01 nhà cấp 4; 01 nhà bếp; công trình phụ; giếng nước và một số cây ăn quả: nhãn, táo, na, bưởi…các tài sản này đã được kiểm đếm tại biên bản kiểm đếm khi thực hiện dự án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30/6/2023, Toà án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, điều 194 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Luật đất đai 2003; Luật khiếu nại tố cáo 02/12/1998 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15/6/2004

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về việc: Yêu cầu huỷ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H và hủy Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H; Văn bản số 3761 ngày 19/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H do không có căn cứ pháp luật.

[2] Về án phí: ông Nguyễn Văn A là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Được hoàn lại 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001006 ngày 29/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Ngày 12/7/2023, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn A giữ nguyên kháng cáo.

Ông A và người đại diện theo ủy quyền (ông Ngô Quốc Dụng) trình bày quan điểm: Căn cứ Điều 83, Điều 87 Luật đất đai 2003 (hướng dẫn thi hành tại Điểm c, khoản 2, Điều 45 Nghi định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ) toàn bộ diện tích đất vườn ao của gia đình (đã có GCNQSD cấp lần đầu vào năm 2003 tuy đã cấp với diện tích đất ở theo hạn mức 400m^2 là không sai nhưng do gia đình đã sử dụng vào mục đích để ở trước ngày 18/12/1980, thuộc diện phải xác định lại hạn mức đất ở. Vị trí thửa đất thu hồi của hộ gia đình nằm liền kề giáp Quốc lộ 21A, đã đóng thuế nhiều năm ở vị trí 1, UBND huyện xác định ở vị trí 4 để bồi thường là không đúng; Thu hồi toàn bộ đất ở nhưng không bố trí tái định cư cho hộ gia đình, cũng không bồi thường bằng tiền để gia đình tự lo tái định cư; áp sai đơn giá bồi thường tài sản và đối với phần đất còn lại sau thu hồi của hộ gia đình do chỉ còn 2 phần hình tam giác, không có lối vào nhưng UBND không hỗ trợ cho hộ gia đình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh H giữ nguyên quan điểm trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, xác định các nội dung khiếu nại của ông A đều đã được các cấp, các ngành giải quyết đúng quy định của Luật khiếu nại đúng quy định. Nội dung người khởi kiện yêu cầu xác định lại đất ở là không đúng quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Z giữ nguyên ý kiến trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm: Các nội dung thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi đều đã được UBND huyện Z phê duyệt bồi thường và đã giải quyết khiếu nại đúng quy định. Hộ gia đình đã được cấp GCNQSD đất năm 2003, GCNQSD đất xác định có 400m^2 đất ở (gia đình không thắc mắc gì), đến 2005 thu hồi gia đình cũng không có đơn yêu cầu xác định lại đất ở, nhưng đều không khiếu nại gì; nên UBND huyện Z xác định đất ở đã thu hồi và bồi thường của gia đình 400m^2 theo GCN, là đúng (Sau này đến năm 2016-2017, ông A mới khiếu nại yêu cầu xác định lại đất ở). Về tái định cư đã có phương án theo yêu cầu của gia đình (tái định cư tại chỗ), ban đầu gia đình nhất trí nhưng sau đó lại không đồng ý; UBND huyện đã giao lô đất ở tái định cư nhưng gia đình không nhận. Đến nay hộ gia đình vẫn chưa bàn giao đất thu hồi; tiền bồi thường hỗ trợ còn 1 phần gia đình chưa nhận; hiện gia đình còn đất sau thu hồi (đất nông nghiệp) và nếu gia đình có nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở thì có quyền làm đơn đề nghị để UBND xem xét giải quyết theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn A.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đồng quan điểm với đại diện UBND huyện Z về việc hộ gia đình đã được xác định đất ở khi cấp GCNQSD đất, nên khi thu hồi đất năm 2005 không thuộc trường hợp phải xác định lại đất ở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung bồi thường, hỗ trợ: Chủ tịch UBND huyện Z, Chủ tịch UBND tỉnh H đã giải quyết khiếu nại đúng quy định; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình ông A. Kháng cáo của ông A không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với đất và tài sản trên đất thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng đường dây 500KV, nhưng do không đồng ý và đã thực hiện việc khiếu nại; đã được trả lời các nội dung khiếu nại nhưng vẫn không nhất trí. Chủ tịch UBND tỉnh đã có văn bản giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H xem xét, ngày 19/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H đã có văn bản số 3761/STNMT trả lời ông A.

Toà án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện này 09/3/2022 của ông Nguyễn Văn A là phù hợp quy định tại Điều 3; Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định hành chính:

[2.1]*Về thẩm quyền ban hành:* Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z, Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H là đúng thẩm quyền như bản án sơ thẩm đã xác định;

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Căn cứ hồ sơ giải quyết khiếu nại do người bị kiện cung cấp, bản án sơ thẩm xác định người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đã thực hiện trình tự và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đúng quy định.

[2.2] *Về nội dung*:

Năm 2003, UBND huyện Z thực hiện trình tự thủ tục cấp GCNQSD đất lần đầu cho các hộ gia đình tại địa phương, hộ ông Nguyễn Văn A được cấp GCNQSD đất số R789785 ngày trong đó thửa đất số 19 diện tích 2.016m^2 gồm 400m^2 đất ở và 1.616m^2 đất vườn. Từ sau khi được cấp GCNQSD đất, ông A cũng không khiếu nại gì về việc diện tích đất ở đã được công nhận trong GCNQSD đất đã cấp.

Thửa đất số 19 của hộ gia đình bị thu hồi 1 phần vào năm 2005 để thực hiện Dự án công trình đường dây 500kv Hà Tĩnh - Thường Tín (đoạn qua huyện Z, tỉnh H). Thời điểm này, thửa đất số 19 đã được Nhà nước cấp GCNQSD đất, áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật đất đai 2004 (có hiệu lực thi hành 01/7/2004) Hội đồng giải phóng mặt bằng đã đo đạc kiểm đếm hiện trạng sử dụng của hộ gia đình, xác định tổng diện tích đo đạc thực tế 2.768,5m^2 trong đó thu hồi và đền bù là 2.039,5m^2 (gồm 400m2 đất ở và 1.467m2 đất vườn), gia đình còn lại 741,3m^2 sau thu hồi (là đất vườn) - là đúng quy định.

Ông Nguyễn Văn A yêu cầu áp dụng điểm d khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2004 để xác định lại diện tích đất ở trong cùng thửa đất để bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình đối với diện tích đất đã thu hồi, là không phù hợp. Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời ông A tại Văn bản trả lời số 3761/STNMT ngày 19/11/2021 là có căn cứ, do vậy Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A là đúng.

[2.3] Các nội dung khiếu nại khác của ông A về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, một số nội dung đã được người có thẩm quyền trả lời, có nội dung được xem xét chấp nhận và hộ gia đình đã được điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ:

Về giá đất và giá đền bù tài sản (Khiếu nại về áp giá đất bồi thường về đất vị trí 1; đơn giá bồi thường cây cối tài sản thấp,…): UBND huyện Z căn cứ quyết định số 165/2005/QĐ –UBND ngày 18/4/2005 của UBND huyện Z căn cứ hướng dẫn tại Quyết định số 43/2004/QĐ-UB ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh H, về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh, trong đó có phân loại đường, vị trí ở, đất sản xuất kinh doanh, đất phi nông nghiệp đối với các xã trong huyện đã xác định: xã L có 2 loại đường là đường 21A và đường liên thôn. Đường phố loại 2 là đường quốc lộ đi qua khu vực thị trấn. Vị trí 4 tính từ tiếp giáp địa giới hành chính thị trấn Y đến đầu Cầu Cả, giáp đất xã C. Đất hộ ông A thuộc địa giới xã L, được xác định là vị trí 4 và UBND huyện Z đã áp giá bồi thường theo quy

định. Giá tài sản bồi thường căn cứ Quyết định số 44/2003/QĐ-UBND là đúng. Chủ tịch UBND tỉnh H giải quyết trả lời khiếu nại của ông A.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình được phê duyệt là 690.218.119 đồng. Ngày 6/9/2005, ông A đã nhận 428.746.119 đồng, còn lại 261.472.000 đồng chưa nhận và hiện nay hộ gia đình vẫn chưa bàn giao đất.

Về tái định cư: UBND huyện Z đã có nhiều phương án bố trí đất tái định cư đất ở nhưng gia đình ông A không nhất trí (tái định cư tại chỗ; giao đất tái định cư tại Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Z).

Diện tích đất còn lại sau thu hồi của gia đình là 741,3m^{2,} gồm hai thửa hình tam giác, trong đó một thửa không có lối vào. Trước đây, theo đề nghị của gia đình, Ủy ban nhân huyện Z ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 thu hồi 741,3m^2 bị ảnh hưởng hành lang đường điện để bồi thường, nhưng ông A không đồng ý nên UBND huyện Z đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 thu hồi Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 31/8/2006.

Với các lý do nêu trên, Bản án sơ thẩm đã xác định việc trả lời ông A tại Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh H và tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh H, là có cơ sở - xét xử quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông A là đúng.

[3] Ông Nguyễn Văn A kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[4] Ông Nguyễn Văn A là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn án phí hành chính phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/11/2023.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

Phan Thị Vân Hương